

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Cao Bằng, Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2008 của UBND Tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang - Cao Bằng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ là 18.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sàn Upcom từ ngày 16/03/2021. Mã chứng khoán: BCV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch
Bà Nông Thị Thúy	Thành viên
Ông Đoàn Trọng Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/9/2021)
Ông Lê Văn Huyền	Thành viên
Ông Vương Văn Hường	Thành viên
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/01/2022)
Bà Lý Thị Huệ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/9/2021, Miễn nhiệm ngày 01/01/2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nông Thị Thuý Trang	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 01/9/2021)
Bà Lý Thị Huệ	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 01/9/2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/5/2021)
Bà Đào Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/5/2021)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nông Thị Thúy	Giám đốc
Ông Dương Quốc Thái	Kế toán trưởng

Số: 109/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico được lập ngày 15 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 1.047.288.983 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là (5.152.186.671) đồng. Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid 19 và các biện pháp phòng chống dịch của Chính phủ và địa phương, doanh thu của Công ty bị sụt giảm mạnh. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông, nhà đầu tư và nguồn thu từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề khác

Công ty chưa thực hiện việc công bố thông tin về báo cáo quản trị công ty năm 2021 trên thị trường chứng khoán theo quy định của Pháp luật về Chứng khoán.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 18 tháng 03 năm 2021 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

A blue handwritten signature.

Vũ Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.502.324.863	2.801.157.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.531.707.803	1.193.067.824
1. Tiền	111		1.531.707.803	1.193.067.824
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		790.317.043	1.336.036.148
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	668.691.008	802.153.008
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	178.317.035	590.574.140
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(56.691.000)	(56.691.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	157.592.854	231.710.569
1. Hàng tồn kho	141		157.592.854	231.710.569
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.707.163	40.343.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	11.914.607	29.550.465
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.792.556	10.792.556
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		16.683.285.898	18.940.314.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.269.970.634	17.951.691.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	16.269.970.634	17.951.691.576
- Nguyên giá	222		45.532.442.385	45.532.442.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.262.471.751)	(27.580.750.809)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		413.315.264	988.623.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	413.315.264	988.623.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		19.185.610.761	21.741.472.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.607.159.994	7.464.757.268
I. Nợ ngắn hạn	310		3.549.753.846	4.724.904.909
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	1.767.224.819	1.754.162.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	16.900.000	583.570.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	339.258.283	405.664.679
4. Phải trả người lao động	314		79.715.236	160.751.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	2.111.280	4.256.214
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	1.097.009.387	571.818.183
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	12.302.873	7.247.114
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	231.324.996	1.228.488.321
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.906.972	8.946.972
II. Nợ dài hạn	330		2.057.406.148	2.739.852.359
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	507.272.722	919.393.940
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.276.169.667	1.276.169.667
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	273.963.759	544.288.752
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		13.578.450.767	14.276.714.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	13.578.450.767	14.276.714.928
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		730.777.438	730.777.438
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.152.326.671)	(4.454.062.510)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.454.062.510)	(2.577.865.829)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(698.264.161)	(1.876.196.681)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		19.185.610.761	21.741.472.196

Cao Bằng, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

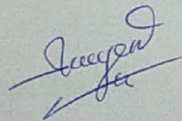
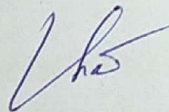
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.127.894.169	9.171.202.961
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		6.127.894.169	9.171.202.961
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.080.075.144	9.192.863.863
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		47.819.025	(21.660.902)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.203.731	1.202.493
7. Chi phí tài chính	22	6.4	80.987.237	185.869.545
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.987.237	185.869.545
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.926.008.268	2.333.073.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(1.957.972.749)	(2.539.401.186)
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.271.179.998	694.955.585
12. Chi phí khác	32	6.6	11.471.410	31.751.080
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.259.708.588	663.204.505
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(698.264.161)	(1.876.196.681)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(698.264.161)	(1.876.196.681)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(387,9)	(1.042,3)

Cao Bằng, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Lục Thị Yên

Dương Quốc Thái

Nguyễn Thị Thúy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

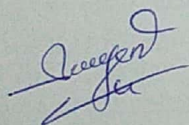
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(698.264.161)	(1.876.196.681)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.681.720.942	1.974.098.709
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.203.731)	(1.202.493)
- Chi phí lãi vay	06	80.987.237	185.869.545
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.063.240.287	282.569.080
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	545.719.105	261.570.217
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	74.117.715	(30.588.061)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(518.170.236)	(402.003.567)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	592.943.652	168.712.933
- Tiền lãi vay đã trả	14	(80.425.957)	(186.546.310)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.253.490.000	(36.829.261)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.325.990.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.604.924.566	56.885.031
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.203.731	1.202.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.203.731	1.202.493
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	860.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.267.488.318)	(1.173.876.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.267.488.318)	(313.876.003)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	338.639.979	(255.788.479)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.193.067.824	1.448.856.303
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	1.531.707.803	1.193.067.824

Cao Bằng, ngày 15 tháng 3 năm 2022

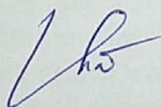
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lục Thị Yến



Dương Quốc Thái



Nông Thị Thúy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Băng Giang - Cao Bằng tiền thân là Khách sạn Băng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2008 của UBND Tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Băng Giang thành Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Băng Giang - Cao Bằng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giung, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sàn Upcom từ ngày 16/03/2021. Mã chứng khoán: BCV.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 26 người (Tại ngày 01/01/2021 là 25 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống và giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh thương mại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Doanh thu của Công ty trong năm 2021 giảm 33% so với năm 2020 và đạt 42,3% kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua. Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ, được giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/09/2021 của chính phủ và được giảm lãi suất tiền vay theo quy định Ngân hàng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, Lỗ lũy kế của Công ty là (5.152.186.671) đồng, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 1.047.288.983 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông, nhà đầu tư và nguồn thu từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định năm 2021 hoạt động Sản xuất kinh doanh tiếp tục khó khăn do đại dịch Covid 19, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Về kinh doanh hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ thế mạnh của Công ty, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động marketing sau khi hết dịch bệnh, tích cực quảng bá thương hiệu nhằm đẩy mạnh và nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Xem xét khả năng huy động vốn, tìm kiếm đối tác chiến lược thông qua thị trường chứng khoán;
- Về công tác quản trị: Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, thực hiện triệt để chủ trương tiết kiệm tránh thất thoát lãng phí, giảm thiểu các chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh... để đảm bảo thực hiện kế hoạch theo nghị quyết Đại hội đồng cổ công năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Giả định về hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ vào chi phí sản xuất theo phương pháp đường thẳng, với thời gian phân bổ không quá 12 tháng và 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp hàng hóa dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm. Chi phí tài chính của Công ty là chi phí đi vay.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn và trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	210.347.777	324.836.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.321.360.026	868.231.006
Tổng	1.531.707.803	1.193.067.824

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	668.691.008	802.153.008
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	87.223.000	17.889.000
Sở Tài chính Cao Bằng	65.251.000	44.380.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	84.440.000	194.141.000
Các đối tượng khác	431.777.008	545.743.008
Tổng	668.691.008	802.153.008
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)	158.474.000	41.221.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	178.317.035	-	590.574.140	-
Ký cược, ký quỹ (i)	100.000.000	-	500.000.000	-
Công ty du lịch Á Châu	75.000.000	-	85.000.000	-
Các khoản khác	3.317.035	-	5.574.140	-
Tổng	178.317.035	-	590.574.140	-

(i) Ký quỹ lưu hành quốc tế Ngân hàng BIDV.

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.691.000	-	56.691.000	-
Tên công ty				Quá hạn trên 3 năm
Công ty Đầu tư và Phát triển miền núi				19.177.000
Công ty Liên minh người dùng				37.514.000
Tổng				56.691.000

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.491.079	-	89.539.127	-
Công cụ, dụng cụ	49.614.135	-	63.726.092	-
Hàng hoá	68.487.640	-	78.445.350	-
Tổng	157.592.854	-	231.710.569	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	11.914.607	29.550.465
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	11.914.607	29.550.465
Dài hạn	413.315.264	988.623.058
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	413.315.264	988.623.058
Tổng	425.229.871	1.018.173.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	23.333.250.366	3.278.763.302	546.812.349	76.363.636	345.561.156	27.580.750.809
Tăng trong năm	1.039.087.025	642.633.917	-	-	-	1.681.720.942
Khấu hao trong năm	1.039.087.025	642.633.917	-	-	-	1.681.720.942
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	24.372.337.391	3.921.397.219	546.812.349	76.363.636	345.561.156	29.262.471.751
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	15.831.941.462	2.119.750.114	-	-	-	17.951.691.576
Số dư tại 31/12/2021	14.792.854.437	1.477.116.197	-	-	-	16.269.970.634

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 14.792.854.433 đồng (tại ngày 31/12/2020: 15.831.941.461 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 5.163.789.206 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 5.060.561.025 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.767.224.819	1.767.224.819	1.754.162.111	1.754.162.111
Nguyễn Thị Dung	281.491.050	281.491.050	288.922.050	288.922.050
Trần Thanh Hải	163.630.500	163.630.500	158.899.500	158.899.500
Đình Thị Huệ	568.246.000	568.246.000	562.127.250	562.127.250
Mông Thị Vân	-	-	140.824.880	140.824.880
Đối tượng khác	753.857.269	753.857.269	603.388.431	603.388.431
Tổng	1.767.224.819	1.767.224.819	1.754.162.111	1.754.162.111

5.9 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	16.900.000	583.570.000
Nguyễn Thành Đô	-	553.790.000
Đối tượng khác	16.900.000	29.780.000
Tổng	16.900.000	583.570.000

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	Phải nộp	405.664.679	1.395.900.641	1.462.307.037
Thuế giá trị gia tăng	405.664.679	450.120.749	516.527.145	339.258.283
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	942.779.892	942.779.892	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.111.280	4.256.214
Trích trước chi phí viễn thông	1.550.000	4.256.214
Chi phí lãi vay	561.280	-
Tổng	2.111.280	4.256.214

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.097.009.387	571.818.183
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.097.009.387	571.818.183
b) Dài hạn	507.272.722	919.393.940
Doanh thu cho thuê mặt bằng	507.272.722	919.393.940
Tổng	1.604.282.109	1.491.212.123



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	231.324.996	231.324.996	270.324.993	1.267.488.318	1.228.488.321	1.228.488.321
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	231.324.996	231.324.996	270.324.993	1.267.488.318	1.228.488.321	1.228.488.321
Vay dài hạn	273.963.759	273.963.759	-	270.324.993	544.288.752	544.288.752
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	273.963.759	273.963.759	-	270.324.993	544.288.752	544.288.752
Tổng	505.288.755	505.288.755	270.324.993	1.537.813.311	1.772.777.073	1.772.777.073

Thông tin về các khoản vay

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Cao Bằng:

Vay dài hạn đến hạn trả:

Hợp đồng tín dụng 275.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 08/8/2019, số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 (giấy nhận nợ lần 1 ngày 08/8/2019 vay 400 triệu đồng, lần 2 ngày 20/4/2020 vay 600 triệu đồng).

Hợp đồng tín dụng 376.2016/HĐTC-PBL ngày 26/10/2016, thời hạn vay 59 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, hợp đồng thế chấp tài sản số tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Dài hạn:

Hợp đồng tín dụng 314.2020/HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, Số tiền 260.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, hợp đồng thế chấp tài sản số 109.2017/HĐTC-PBL thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 319.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, số tiền 258.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 331.2017/HĐCVTL/NHCT186-BANGGIANG ngày 16/9/2020, số tiền 461.175.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng 435.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 08/8/2019, Số tiền vay 177.450.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	12.302.873	7.247.114
Kinh phí công đoàn	3.768.015	3.849.241
Các khoản phải trả khác	8.534.858	3.397.873
Dài hạn	1.276.169.667	1.276.169.667
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Agribank CN Cao Bằng (Lãi vay đầu tư xây dựng khách sạn Bằng Giang)	976.169.667	976.169.667
Tổng	1.288.472.540	1.283.416.781

(i) ký quỹ tiền thuê mặt bằng.

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	18.000.000.000	730.777.438	(2.577.865.829)	16.152.911.609
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(1.876.196.681)	(1.876.196.681)
Lỗ trong năm	-	-	(1.876.196.681)	(1.876.196.681)
Số dư tại 31/12/2020	18.000.000.000	730.777.438	(4.454.062.510)	14.276.714.928
Số dư tại 01/01/2021	18.000.000.000	730.777.438	(4.454.062.510)	14.276.714.928
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(698.264.161)	(698.264.161)
Lỗ trong năm	-	-	(698.264.161)	(698.264.161)
Số dư tại 31/12/2021	18.000.000.000	730.777.438	(5.152.326.671)	13.578.450.767

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	9.235.000.000	9.235.000.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	7.516.000.000	7.516.000.000
Cổ đông khác	1.249.000.000	1.249.000.000
Tổng	18.000.000.000	18.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	730.777.438	730.777.438

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.127.894.169	9.171.202.961
Tổng	6.127.894.169	9.171.202.961
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	682.900.482	672.519.092

6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	6.080.075.144	9.192.863.863
Tổng	6.080.075.144	9.192.863.863

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.203.731	1.202.493
Tổng	1.203.731	1.202.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	80.987.237	185.869.545
Tổng	80.987.237	185.869.545

6.5 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.926.008.268	2.333.073.232
Chi phí nhân viên quản lý	713.041.361	953.485.960
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	27.493.104
Chi phí tiền thuê đất, thuê môn bài	933.133.332	1.073.758.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.738.660	75.779.741
Chi phí bằng tiền khác	183.094.915	202.556.271
Chi phí bán hàng	-	-

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Tiền hỗ trợ người lao động từ Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	1.253.490.000	676.180.000
Thu nhập khác	17.689.998	18.775.585
Tổng	1.271.179.998	694.955.585
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế và Bảo hiểm xã hội	551.410	2.314.997
Chi phí khác	10.920.000	29.436.083
Tổng	11.471.410	31.751.080
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.259.708.588	663.204.505

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(698.264.161)	(1.876.196.681)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(698.264.161)	(1.876.196.681)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(387,9)	(1.042,3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nông Thị Thúy	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Vương Văn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đoàn Trọng Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Văn Huyền	Thành viên Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát	
Bà Lý Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Đào Thị Vân Anh	Thành viên
Ban Giám đốc	
Bà Nông Thị Thúy	Giám đốc
Ông Dương Quốc Thái	Kế toán trưởng
Các doanh nghiệp liên quan	
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Khoáng sản 3	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	Cùng Công ty mẹ

b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	-	-
Ban Giám đốc	Lương	86.662.000	127.768.354
Nông Thị Thúy		86.662.000	127.768.354
Tổng		86.662.000	127.768.354

c. Giao dịch với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Mua hàng		21.552.727	47.950.000
Công ty CP khoáng sản & luyện kim Cao Bằng	Mua hàng hóa	21.552.727	47.950.000
Bán hàng		682.900.482	672.519.092
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Cung cấp dịch vụ	370.624.978	310.705.455
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	93.935.955	43.218.182
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	218.339.549	147.595.455
CN Mô tuyển đồng Sin quyền Lào Cai	Cung cấp dịch vụ	-	171.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Số dư với bên liên quan

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng		158.474.000	41.221.000
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Cung cấp dịch vụ	45.385.000	13.090.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	25.866.000	10.242.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	87.223.000	17.889.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Cao Bằng, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập

Lục Thị Yến

Kế toán trưởng

Dương Quốc Thái

Giám đốc



Nông Thị Thúy



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org